



**TỈNH VĨNH LONG HỢP NHẤT - THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI PHÁT TRIỂN**

*THE ADMINISTRATIVE CONSOLIDATION OF VINH LONG PROVINCE:  
 CHALLENGES AND OPPORTUNITIES FOR DEVELOPMENT*

**Đặng Thị Ánh Hồng\***

Đại học Trà Vinh

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.42.834>

\*Email: [dtahongtvi@gso.gov.vn](mailto:dtahongtvi@gso.gov.vn)

Ngày nhận bài: 28/10/2025

Ngày phản biện: 06/11/2025

Ngày duyệt bài: 23/03/2026

**TÓM TẮT**

Việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh đang là một chủ trương lớn nhằm tối ưu hóa nguồn lực và không gian phát triển địa phương. Nắm bắt bối cảnh đó, bài viết phân tích quá trình hình thành tỉnh Vĩnh Long mới sau khi hợp nhất ba tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15. Để cung cấp một góc nhìn toàn diện và có cơ sở khoa học về sự kiện mang tính bước ngoặt này, mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá những cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sau hợp nhất, trên cơ sở khai thác dữ liệu thống kê và các chỉ tiêu phát triển giai đoạn 2020–2024 của ba tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long cũ. Qua quá trình tổng hợp và phân tích chuyên sâu các dữ liệu kinh tế vĩ mô, kết quả chỉ ra rằng, việc hợp nhất mở ra cơ hội mở rộng không gian phát triển, hình thành các chuỗi giá trị mới, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả đầu tư công; tuy nhiên, cũng tồn tại thách thức về chênh lệch trình độ phát triển, quản lý hành chính, và phân bổ nguồn lực. Nhận diện rõ những rào cản cũng như các động lực tăng trưởng cốt lõi nêu trên, từ đó, bài viết đề xuất các nhóm giải pháp chiến lược nhằm phát huy hiệu quả của mô hình hợp nhất trong giai đoạn phát triển mới của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tạo tiền đề vững chắc cho sự hội nhập và phát triển bền vững của địa phương.

**Từ khóa:** Bến Tre, hợp nhất, phát triển kinh tế - xã hội, Trà Vinh, Vĩnh Long.

**ABSTRACT**

The reorganization of provincial administrative units is a major policy aimed at optimizing resources and local development space. In this context, the article analyzes the formation process of the new Vinh Long province after the merger of the three provinces of Vinh Long, Ben Tre and Tra Vinh according to Resolution No. 202/2025/QH15. To provide a comprehensive and scientifically grounded perspective on this landmark event, the research objective is to assess the opportunities and challenges in the socio-economic development of the province after the merger, based on the exploitation of statistical data and development indicators for the period 2020-2024 of the three old provinces of Ben Tre, Tra Vinh and Vinh Long. Through an in-depth synthesis and analysis of macroeconomic data, the results show that the merger opens up opportunities to expand development space, form new value chains, increase competitiveness and efficiency of public investment; however, there are also challenges in terms of development level differences, administrative management, and resource allocation. By clearly identifying these barriers as well as the core growth drivers mentioned above, from there, the article proposes groups of strategic solutions to promote the effectiveness of the merger model in the new development stage of the Mekong Delta region, establishing a solid foundation for the locality's integration and sustainable development.

**Keywords:** Ben Tre, merger, socio-economic development, Tra Vinh, Vinh Long.

## 1. Giới thiệu nghiên cứu

Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh cải cách hành chính và tinh gọn bộ máy quản lý nhà nước, việc sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh được xem là một bước đi chiến lược nhằm tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả điều hành và tạo động lực phát triển vùng. Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội quy định hợp nhất ba tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh thành tỉnh Vĩnh Long mới. Đây là sự kiện quan trọng trong tiến trình phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long, mở ra cơ hội hình thành một thực thể kinh tế - xã hội có quy mô lớn hơn, đa dạng về nguồn lực và vị trí chiến lược.

Tuy nhiên, việc hợp nhất cũng kéo theo nhiều vấn đề về điều phối phát triển, chênh lệch về cơ cấu kinh tế, hạ tầng và trình độ xã hội giữa các khu vực cũ. Trong bối cảnh đó, việc phân tích một cách hệ thống những cơ hội và thách thức phát triển của tỉnh Vĩnh Long sau hợp nhất có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Bài viết hướng tới mục tiêu phân tích và gợi mở các vấn đề kinh tế - xã hội nổi bật sau hợp nhất, trên cơ sở khai thác dữ liệu thống kê và tiếp cận phát triển vùng, qua đó đề xuất một số hàm ý chính sách phục vụ quá trình phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn tới.

## 2. Phương pháp phân tích

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích dựa trên số liệu thống kê thứ cấp của Niên giám thống kê ba tỉnh giai đoạn 2020–2024. Phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh theo không gian và thời gian, phân tích cơ cấu và mô tả xu hướng nhằm làm rõ sự khác biệt và bổ trợ giữa các địa phương trước và sau hợp nhất.

## 3. Cơ hội phát triển sau hợp nhất

### 3.1. Cơ hội phát triển về kinh tế

Sau hợp nhất, tỉnh Vĩnh Long có diện tích 6.296 km<sup>2</sup>, dân số hơn 3,36 triệu người. GRDP năm 2024 đạt 254.480 tỷ đồng (giá hiện hành), tốc độ tăng trưởng bình quân 7,12%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: nông, lâm, thủy sản chiếm 33,39%; công nghiệp - xây dựng 25,19%; dịch vụ 36,88%; thuế 4,54%.

Về tiềm năng, tỉnh sở hữu hệ thống giao thông thủy - bộ liên vùng hoàn chỉnh, với các tuyến quốc

lộ 1, 53, 57, 60 và hành lang ven biển; đồng thời có lợi thế đặc biệt trong phát triển kinh tế biển, năng lượng tái tạo, và công nghiệp chế biến nông - thủy sản. Hệ thống cảng biển Định An và các khu công nghiệp tại Hòa Phú, Giao Long, Duyên Hải đóng vai trò hạt nhân trong chuỗi cung ứng.

Nguồn nhân lực đạt khoảng 1,89 triệu lao động, trong đó lực lượng lao động có tay nghề chiếm trên 15%. Sự phân công lao động sau hợp nhất dần hình thành: Vĩnh Long là trung tâm đào tạo và hành chính; Bến Tre là trung tâm chế biến và năng lượng; Trà Vinh là trung tâm kinh tế biển và du lịch văn hóa.

Việc hợp nhất ba tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long đã mở rộng đáng kể quy mô không gian kinh tế, đưa Vĩnh Long mới trở thành một trong những tỉnh có GRDP lớn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Năm 2024, GRDP của tỉnh đạt 254,48 nghìn tỷ đồng (theo giá hiện hành), tăng bình quân 5,1–5,5%/năm trong giai đoạn 2020–2024. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó khu vực công nghiệp – xây dựng tăng nhanh, chiếm 25,19% GRDP, trở thành động lực chính nhờ sự hội tụ của các khu công nghiệp trọng điểm như Hòa Phú (Vĩnh Long), Giao Long (Bến Tre) và Khu kinh tế Định An (Trà Vinh). Khu vực dịch vụ chiếm 36,88%, phản ánh xu hướng chuyển dịch sang nền kinh tế dịch vụ – công nghiệp hiện đại, trong khi khu vực nông – lâm – thủy sản còn 33,39%, cho thấy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế đang diễn ra đúng hướng. Tính liên kết nội vùng được củng cố rõ nét khi mỗi tiểu vùng đảm nhận vai trò riêng trong chuỗi giá trị: Bến Tre phát triển nông nghiệp và năng lượng tái tạo; Trà Vinh tập trung vào kinh tế biển, điện gió và logistics cảng nước sâu; Vĩnh Long giữ vị thế trung tâm chế biến, thương mại và dịch vụ hỗ trợ. Sự bổ trợ hài hòa này đã tạo nên một “tam giác kinh tế xanh” năng động, có thể trở thành mô hình phát triển cân bằng giữa nội địa và ven biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn tới.

Sau khi hợp nhất, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Vĩnh Long mới được dự báo sẽ tăng đáng kể nhờ hàng loạt yếu tố thuận lợi. Trước hết, môi trường đầu tư được cải thiện theo hướng thống nhất, với cơ chế hành chính tập trung một đầu mối, giúp giảm chi phí giao dịch, rủi ro

chính sách và thời gian thủ tục đầu tư. Quy hoạch phát triển không gian kinh tế mới cũng mở ra hơn 5.000 ha quỹ đất công nghiệp, tập trung tại các khu vực ven biển và ven sông, tạo dư địa cho các dự án quy mô lớn. Cùng với đó, cơ cấu đầu tư FDI trở nên đa dạng hơn, khi các tập đoàn năng lượng, chế biến và logistics có thể đầu tư xuyên vùng mà không cần thực hiện ba bộ thủ tục riêng lẻ như trước. Tác động lan tỏa của sự hợp nhất thể hiện rõ qua ba hiệu ứng nổi bật: hiệu ứng vùng trọng điểm mới giúp thu hút các dự án vệ tinh quanh khu vực trung tâm đô thị Vĩnh Long và các đô thị ven biển; hiệu ứng lan tỏa ngành thúc đẩy nhu cầu lao động kỹ thuật, dịch vụ hậu cần, tài chính và vận tải; và hiệu ứng chuỗi giá trị hình thành hệ thống sản xuất – chế biến – xuất khẩu khép kín, giúp giảm chi phí logistics so với trước đây. Với định hướng quy hoạch hợp lý và tầm nhìn chiến lược, Vĩnh Long mới hoàn toàn có thể vươn lên trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa (logistics hub) của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Tác động đến ngân sách và hiệu quả đầu tư công:

Việc hợp nhất ba tỉnh đã giúp tăng quy mô ngân sách hợp nhất của Vĩnh Long mới, đồng thời giảm đáng kể sự trùng lặp trong chi thường xuyên, ước tính tiết kiệm 3–5% tổng chi ngân sách hàng năm. Nguồn lực được phân bổ hiệu quả hơn, tạo điều kiện cho đầu tư công liên vùng đạt hiệu quả cao thông qua các dự án hạ tầng chiến lược có tính lan tỏa lớn. Trong đó, nổi bật là hành lang kinh tế ven biển Trà Vinh – Bến Tre, gắn kết với cầu Đại Ngãi và tuyến cao tốc ven biển, tạo trục phát triển mới cho toàn vùng. Hệ thống logistics nội vùng được củng cố nhờ liên kết giao thông thủy trên sông Tiền, sông Hậu, còn hạ tầng năng lượng sạch được thúc đẩy mạnh mẽ với các cụm điện gió – điện mặt trời ven biển Ba Tri – Duyên Hải, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển xanh. Bên cạnh đó, tác động gián tiếp của sự hợp nhất còn thể hiện ở khả năng huy động vốn đầu tư theo hình thức PPP ngày càng lớn, nhờ quy mô dự án mở rộng và tính hấp dẫn cao hơn, giúp giảm chi phí vốn vay và rút ngắn thời gian hoàn vốn trung bình 2–3 năm so với các dự án cấp tỉnh riêng lẻ trước đây.

### 3.2. Cơ hội phát triển về xã hội

Quá trình hợp nhất cũng mở ra nhiều cơ hội quan trọng trong lĩnh vực xã hội. Quy mô dân số lớn hơn tạo điều kiện mở rộng thị trường lao động, thúc đẩy dịch chuyển lao động nội vùng và nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn nhân lực. Việc thống nhất không gian hành chính giúp tăng khả năng đầu tư tập trung cho giáo dục, đào tạo nghề và y tế, qua đó cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ công cơ bản của người dân.

Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Vĩnh Long mới giảm còn 1,57%, thấp hơn mức trung bình của địa phương trước đây (Bến Tre 2,05%, Vĩnh Long 1,8%), cho thấy dư địa thuận lợi trong việc điều phối chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững trên phạm vi toàn tỉnh. Quy mô dân số trên 3,36 triệu người giúp mở rộng thị trường lao động, tạo điều kiện phân bổ nguồn nhân lực hợp lý hơn giữa các tiểu vùng. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của tỉnh sau hợp nhất đạt 15,23%, cao hơn mức của Bến Tre (13,7%) và Trà Vinh (14,9%), phản ánh tiềm năng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua liên kết hệ thống đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu sử dụng lao động của các ngành công nghiệp chế biến, dịch vụ logistics và kinh tế biển. Việc thống nhất không gian hành chính cũng góp phần nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực nội địa và ven biển, qua đó củng cố ổn định xã hội và nâng cao chất lượng đời sống dân cư trong giai đoạn phát triển mới.

Ngoài ra, sự liên kết giữa các tiểu vùng nội địa và ven biển góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển, nâng cao mức sống và bảo đảm an sinh xã hội, đặc biệt đối với khu vực nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh Trà Vinh trước đây.

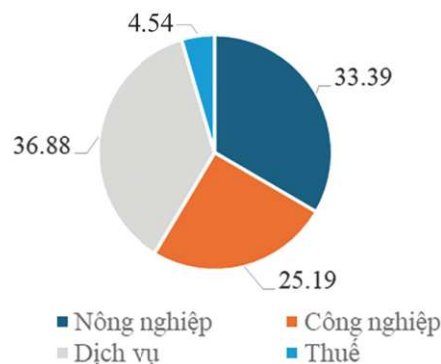
### 4. Thách thức đặt ra trong phát triển kinh tế - xã hội

Mặc dù việc hợp nhất mang lại tiềm năng phát triển to lớn, song quá trình triển khai vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro kinh tế cần được nhận diện và xử lý kịp thời. Trước hết là nguy cơ phân bổ vốn mất cân đối giữa khu vực nội địa và ven biển, có thể dẫn đến chênh lệch phát triển giữa các tiểu vùng. Bên cạnh đó, sự khác biệt về cơ chế thu ngân sách và đầu tư công giữa ba địa phương cũ cũng

có thể gây khó khăn trong giai đoạn đầu đồng bộ hóa chính sách. Ngoài ra, hạ tầng số và logistics chậm hoàn thiện sẽ làm giảm hiệu quả của chuỗi cung ứng và hạn chế khả năng kết nối vùng. Để khắc phục, Vĩnh Long mới cần sớm lập điều chỉnh Quy hoạch. Đồng thời, tỉnh nên ban hành Chính sách phát triển chuỗi giá trị liên vùng, ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực chế biến, logistics và nông nghiệp công nghệ cao. Song song đó, việc xây dựng Quỹ phát triển hạ tầng vùng Vĩnh Long – Bến Tre – Trà Vinh, huy động từ nguồn ngân sách, vốn ODA và hình thức PPP, sẽ tạo nền tảng tài chính bền vững hướng đến nền kinh tế xanh, tuần hoàn và trung hòa carbon, phù hợp với xu thế phát triển của quốc gia. Về xã hội, sự khác biệt về mức sống và điều kiện tiếp cận dịch vụ xã hội giữa các tiểu vùng vẫn còn tương đối rõ nét, thể hiện qua sự chênh lệch về tỷ lệ hộ nghèo và trình độ lao động giữa các địa phương trước hợp nhất. Mặc dù tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Vĩnh Long mới ở mức thấp, song nguy cơ tái nghèo và nghèo cục bộ vẫn tồn tại tại các vùng nông thôn và địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo vẫn còn thấp so với

yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ và kinh tế biển có hàm lượng kỹ thuật cao, đặt ra áp lực lớn đối với hệ thống giáo dục – đào tạo và đào tạo nghề. Ngoài ra, quá trình hợp nhất làm gia tăng quy mô và tính phức tạp trong quản lý dân cư, lao động và an sinh xã hội, đòi hỏi chính quyền tỉnh mới phải đổi mới phương thức quản trị, tăng cường phối hợp liên ngành và bảo đảm công bằng xã hội trong phân bổ nguồn lực phát triển, nhằm duy trì ổn định xã hội và nâng cao chất lượng đời sống người dân trong dài hạn.

Cơ cấu kinh tế tỉnh Vĩnh Long sau hợp nhất



**Hình 1.** Biểu đồ cơ cấu kinh tế tỉnh Vĩnh Long sau hợp nhất

**Bảng 1.** Tổng hợp tình hình Kinh tế - Xã hội 3 tỉnh Bến Tre – Trà Vinh – Vĩnh Long và sau hợp nhất

Chỉ tiêu	Bến Tre	Trà Vinh	Vĩnh Long	Sau hợp nhất
Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	2.379	2.391	1.526	6.296
Dân số (người, 2024)	1.306.270	1.023.889	1.037.270	3.367.429
GRDP (theo giá hiện hành, 2024) (tỷ đồng)	74.178	96.623	83.679	254.480
GRDP bình quân đầu người (nghìn đồng/người/năm)	56.786	94.369	80.672	77.276
Tốc độ tăng trưởng GRDP (2024, %)	5,68	10,04	5,65	7,12
Cơ cấu kinh tế (%)	NN: 33,79 CN: 20,76 DV: 41,93 Thuế: 3,52	NN: 27,31 CN: 38,6 DV: 29,03 Thuế: 5,06	NN: 39,08 CN: 16,21 DV: 39,68 Thuế: 5,03	NN: 33,39 CN: 25,19 DV: 36,88 Thuế: 4,54
Sản lượng thủy sản (nghìn tấn)	585	232	152	969
Thu ngân sách (tỷ đồng)	6.379	20.057	23.300	49.736
Chi ngân sách (tỷ đồng)	12.433	17.408	20.000	49.841
Vốn Đầu tư toàn xã hội (tỷ đồng)	18.670	23.126	18.723	60.519
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (tỷ đồng)	66.949	61.647	65.723	194.319
Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (%)	3,81	2,69	3,43	3,31

Tỷ lệ hộ nghèo (%)	2,05	0,87	1,8	1,57
Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	13,7	14,9	17,1	15,23

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long năm 2024)

### 5. Kết luận

Việc hợp nhất ba tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh tạo điều kiện hình thành một thực thể kinh tế quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh cao và cơ cấu ngành đa dạng. Tuy nhiên, quá trình này cũng đòi hỏi một chiến lược phát triển hài hòa, tránh phân hóa vùng và đảm bảo tính thống nhất trong điều hành.

Tỉnh Vĩnh Long (mới) cần xác định rõ vai trò là trung tâm động lực phát triển kinh tế – xã hội của tiểu vùng ven biển phía Đông Đồng bằng sông Cửu Long, giữ vị trí kết nối giữa các khu vực Bến Tre, Trà Vinh cũ với các vùng kinh tế trọng điểm khác của khu vực. Trên cơ sở đó, việc xây dựng quy hoạch phát triển tổng thể và liên kết vùng có ý nghĩa chiến lược, hướng tới hình thành các hành lang kinh tế ven sông – ven biển, phát triển trung tâm logistics, công nghiệp chế biến nông – thủy sản, năng lượng tái tạo và dịch vụ hỗ trợ sản xuất, tạo nền tảng cho tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, đồng thời gắn kết chặt chẽ với định hướng phát triển kinh tế biển quốc gia và chiến lược phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Cùng với đó, cần tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, coi đây là khâu đột phá then chốt. Tỉnh cần hình thành mạng lưới đào tạo nghề liên thông giữa các cơ sở giáo dục, đào tạo và doanh nghiệp, gắn với nhu cầu công nghiệp, dịch vụ và chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

Phát triển kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi xanh là hướng đi tất yếu, thể hiện cam kết chính trị trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Việc tận dụng phụ phẩm nông – thủy sản để tái sản xuất, phát triển năng lượng sạch, mô hình nông nghiệp – thủy sản thân thiện môi trường sẽ góp phần bảo vệ hệ sinh thái, giảm phát thải và nâng cao giá trị gia tăng.

Song song đó, cần tăng cường quản trị hành

chính và liên kết vùng, bảo đảm tính thống nhất trong quy hoạch, đầu tư, quản lý nguồn lực, đồng thời nâng cao năng lực điều hành, cải thiện môi trường đầu tư, củng cố niềm tin của người dân và doanh nghiệp.

Cuối cùng, việc huy động nguồn lực đầu tư công và hợp tác công – tư (PPP) phải được xem là nhiệm vụ trọng tâm. Ưu tiên đầu tư cho các dự án hạ tầng chiến lược như cảng biển, cao tốc, khu logistics, khu đô thị công nghiệp – sinh thái, nhằm tạo đột phá trong kết nối vùng và hội nhập quốc tế. Đây là bước đi thể hiện tầm nhìn chính trị và quyết tâm của địa phương trong thực hiện đường lối phát triển toàn diện, tự cường, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chi cục Thống kê tỉnh Bến Tre (2024), Niên giám Thống kê tỉnh Bến Tre năm 2024, Nhà xuất bản Thống kê.

Chi cục Thống kê tỉnh Trà Vinh (2024), Niên giám Thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2024, Nhà xuất bản Thống kê.

Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long (2024), Niên giám Thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2024, Nhà xuất bản Thống kê.

Quốc hội (2025), Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Thống kê tỉnh Vĩnh Long (2025), Báo cáo chuyên đề: Tỉnh Vĩnh Long sau sáp nhập – Cơ hội và thách thức phát triển;

Brenner, N. (2004). *New State Spaces: Urban Governance and the Rescaling of Statehood*. Oxford University Press.

Hooghe, L., & Marks, G. (2003). *Unraveling the Central State, but How? Types of Multi-level Governance*. *American Political Science Review*, vol 97, No.2.

Krugman, P. (1991), *Geography and Trade*. MIT Press.

Myrdal, G. (1957), *Economic Theory and Underdeveloped Regions*. London: University Paperbacks.